CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO GIÁ CẠNH TRANH RÚT GỌN

Tên công trình: Sửa chữa, bảo trì cầu 1 – Khu bến Cảng Cái Lân sau kiểm định định kỳ năm 2022.

Địa điểm: Bến số 1- Khu bến Cảng Cái Lân.

Số 1 – Đường Cái Lân – P. Bãi Cháy – Tp. Hạ Long – T. Quảng Ninh.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.

Hạ Long, ngày 12 tháng 06 năm 2023

Đại diện bên mời thầu

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

M.S.D.N: 5700100231 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH
TP. HẠ LONG - T. QUẢNG NINH

K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đinh Anh Tuấn

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ CẠNH TRANH RÚT GỌN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương III. Dự thảo hợp đồng

Chương IV. Tiêu chuẩn đánh giá

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn.

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá.

Chương III. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TBMT	Thông báo mời thầu
VND	đồng Việt Nam
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định số 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 2. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn chào hàng (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá, giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 3. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng.

2. Biểu giá theo Mẫu trong Chương II.

Mục 4. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá.

2. Có giá chào thấp nhất và không vượt giá gói thầu được duyệt.

3. Đạt tất cả các tiêu chuẩn đánh tại Chương IV.

Mục 5. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào giá.

Mục 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 9 Chương III.

Mục 7. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
	Biểu mẫu cho gói thầu xây lắp			
1	Mẫu số 01. Bảng khối lượng mời thầu và tiến độ thực hiện		X	
2	Mẫu số 02. Yêu cầu nhân sự chủ chốt		X	
3	Mẫu số 03. Bảng đề xuất nhân sự			X
4	Mẫu số 04. Bảng tiến độ thực hiện			X
5	Mẫu số 05. Bảng tổng hợp giá dự thầu			X
6	Mẫu số 06. Cam kết thực hiện gói thầu xây lắp			X
IV	**Đơn chào hàng (chung cho 3 loại gói thầu xây lắp, hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn)**			
1	Đơn chào hàng			X

Mẫu số 1

BẢNG KHỐI LƯỢNG MỜI THẦU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Bên mời thầu liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

Tiến độ thực hiện gói thầu	60 ngày (có mặt bằng thi công và thủy triều phù hợp)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
I	**SỬA CHỮA BẢN MẶT CẦU**			
1	Cắt bê tông bản mặt cầu	Cắt bê tông bản mặt cầu	136,54	Md
2	Đục tẩy bê tông cốt thép bằng máy khoan bê tông	Đục tẩy bê tông cốt thép bằng máy khoan bê tông	7,65	M3
3	Đục tẩy rỉ cốt thép trong bê tông, làm sạch bề mặt cốt thép bằng hóa chất tẩy rỉ thép Sika B-05	Đục tẩy rỉ cốt thép trong bê tông, làm sạch bề mặt cốt thép bằng hóa chất tẩy rỉ thép Sika B-05	70,6	M2
4	Sơn chống ăn mòn vào kết cấu thép khác bằng phụ gia ức chế chống ăn mòn Sika Monotop 610	Sơn chống ăn mòn vào kết cấu thép khác bằng phụ gia ức chế chống ăn mòn Sika Monotop 610	70,6	M2
5	Vệ sinh làm sinh làm sạch bề mặt bê tông phạm vi phá vỡ	Vệ sinh làm sinh làm sạch bề mặt bê tông phạm vi phá vỡ	85,33	M2
6	Quét chất kết dính lên bề mặt bê tông cũ (sử dụng Sikadur 732)	Quét chất kết dính lên bề mặt bê tông cũ (sử dụng Sikadur 732)	85,33	M2
7	Sản xuất, lắp dựng thép FRP d12	Sản xuất, lắp dựng thép FRP d12 (bổ sung 50% số lượng thanh thép trong phạm vi sửa chữa)	614,66	M
8	Vữa phun cường độ cao có mác ≥400 không co ngót: Vữa Estopatch SC100 (hoặc Foreva Shotcrete 50) hoặc vật liệu có tính năng tương đương	Vữa phun cường độ cao có mác ≥400 không co ngót: Vữa Estopatch SC100 (hoặc Foreva Shotcrete 50) hoặc vật liệu có tính năng tương đương	7,65	M3
9	Phun gia cố bê tông, vữa vào bề mặt cấu kiện bê tông, mác cao, trám vết vỡ, gia cường kết cấu bê tông	Phun gia cố bê tông, vữa vào bề mặt cấu kiện bê tông, mác cao, trám vết vỡ, gia cường kết cấu bê tông	7,65	M3

10	Xoa nhẵn tạo phẳng bề mặt sau khi phun vữa	Xoa nhẵn tạo phẳng bề mặt sau khi phun vữa	65,45	M2
II	**KHUNG SÀN ĐẠO PHỤC VỤ THI CÔNG**			
1	Gia công hệ sàn đạo, sàn thao tác (thời gian thi công 2 tháng, thao dỡ 10 lần, hao phí vật liệu: 1,5%*1+9*5%=46,5%)	Gia công hệ sàn đạo, sàn thao tác (thời gian thi công 2 tháng, thao dỡ 10 lần, hao phí vật liệu: 1,5%*1+9*5%=46,5%)	1,349	Tấn
2	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo dưới nước (khung sàn đạo được lắp dựng 9 lần)	Lắp dựng kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo dưới nước (khung sàn đạo được lắp dựng 9 lần)	12,141	Tấn
3	Tháo dỡ kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo dưới nước	Tháo dỡ kết cấu thép hệ khung dàn, sàn đạo dưới nước	12,141	Tấn

Mẫu số 2

YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về nhân sự chủ chốt cho phù hợp

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng công trình	01	Tối thiểu 03 năm hoặc 01 HĐ tương tự	Bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng công trình giao thông, đường thủy hoặc công trình thủy (Khi cần phía Bên mời thầu sẽ yêu cầu Nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu)
2	Kỹ sư phụ trách thi công	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 01 HĐ tương tự	Bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng công trình giao thông, đường thủy hoặc công trình thủy
3	Cán bộ quản lý chất lượng, thí nghiệm	01	Tối thiểu 02 năm	Đại học/cao đẳng chuyên ngành xây dựng công trình
4	Cán bộ phụ trách ATLĐ, PCCC, VSMT	01	Tối thiểu 01 năm	Trình độ trung cấp trở lên. Có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn, PCCC, VSMT do cơ quan chức năng cấp

Mẫu số 3

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ
(nhà thầu đề xuất)

STT	Tên	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Công việc hiện tại				
					Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ/Điện thoại/ Fax/E-mail của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc	Người xác nhận
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]								
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]								
...									
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]								

Mẫu số 4

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của bên mời thầu và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất
	Trích xuất	

Mẫu số 5

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU GÓI THẦU XÂY LẮP
(nhà thầu đề xuất)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền (Cột 4 x 6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

I	**Hạng mục 1:**					**A**
1	...					
2	...					
II	**Hạng mục 2:**					**B**
1	...					
2	...					
II	**Hạng mục 3:....**					
1	....					
2	...					
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						**A+B+...**

Ghi chú:

(6) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu của từng hạng mục, công việc cụ thể. Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột "Mô tả công việc mời thầu". Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

(7) Hệ thống tự động tính.

Mẫu số 6

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU XÂY LẮP

Ngày:_____ *[Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]*

Tên gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Tên dự án:_____ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số_____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm do_____ *[Ghi tên bên mời thầu]* phát hành, chúng tôi,_____ *[Ghi tên nhà thầu]* cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm, nhân sự, thiết bị để thực hiện gói thầu_____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày:_____

Tên gói thầu:_____ *[tự trích xuất theo tên gói thầu trong TBMT]*

Kính gửi:_____ *[tự trích xuất theo tên Bên mời thầu trong TBMT]*

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu:_____ *[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];*

- Số đăng ký kinh doanh:_____ *[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];*

cam kết thực hiện gói thầu_____ *[tự trích xuất tên gói thầu theo thông tin trong yêu cầu báo giá]* với các thông tin chính như sau:

- Số TBMT:_____ *[tự trích xuất theo số TBMT trong TBMT];*

- Thời điểm đóng thầu:_____ *[tự trích xuất theo thời điểm đóng thầu trong TBMT];*

theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là_____ *[Hệ thống tự tổng hợp khi nhà thầu điền giá chào trong các biểu mẫu dự thầu trên Hệ thống]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là_____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá].*

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là:_____ *[Hệ thống tự động tính].*

Thời gian thực hiện hợp đồng là_____ *[tự trích xuất theo biểu mẫu dự thầu].*

Hiệu lực của báo giá:_____ *[trích xuất theo TBMT]*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 9 Chương IV Dự thảo hợp đồng.

Chương III. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

(Gói thầu xây lắp)[1]

_____, ngày____ tháng____ năm_____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:_____ *[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ[2]_____ *[Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];*

- Căn cứ[2]_____ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];*

- Căn cứ[2]_____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];*

- Căn cứ_____ *[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];*

- Căn cứ Quyết định số_____ ngày____ tháng__ năm_____ của_____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số_____ ngày____ tháng_____ năm_____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày____ tháng_____ năm_____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số____ ngày____ tháng____ năm____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

_____

[1] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đối với gói thầu có giá trị lớn thì có thể vận dụng Điều kiện hợp đồng nêu tại Mẫu số 01, 02 của Thông tư này.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số____ ngày____ tháng____ năm____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. Bản chào giá của nhà thầu;

5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:_____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán_____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].*

b) Thời hạn thanh toán_____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].*

c) Số lần thanh toán_____ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].*

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng:_____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:_____ *[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu].*

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng:

của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu].

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:_____ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu].*

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:_____ *[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam].*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:_____ % giá hợp đồng *[Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2% - 3% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày_____ tháng____ năm_____ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này cho phù hợp].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn:_____ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].*

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong báo giá.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian:_____ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế:_____ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ_____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành_____ bộ, chủ đầu tư giữ_____ bộ, nhà thầu giữ_____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số_____, ngày____ tháng_____ năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Bảng giá tổng hợp].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[1]

_____, ngày____ tháng____ năm_____

Kính gửi:_____ *[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của_____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu_____ *[Ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện *[hàng hóa/xây lắp/dịch vụ phi tư vấn]* cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);[2]

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá *(hoặc hợp đồng)*, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,_____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại_____ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng[3]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là_____ *[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn_____ *[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày____tháng____ năm_____[4].

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của_____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu____ *[Ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số____ *[Ghi số hợp đồng]* ngày____ tháng____ năm_____ (sau đây gọi là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

Chương IV. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ chào giá

Hồ sơ chào giá của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu tại Mục 2 Chương I. Yêu cầu nộp báo giá.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu về tiến độ của bên mời thầu đưa ra.

3. Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp chào giá, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

4. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ chào giá với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.

5. Nhà thầu có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Mục 1 Chương I. Yêu cầu nộp báo giá.

Nhà thầu có hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chí đạt/không đạt, bao gồm các nội dung cơ bản trong bảng dưới đây. Nhà thầu "đạt" cả 3 nội dung nêu tại các Khoản 1, 2 và 3 trong bảng thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt năng lực kinh nghiệm. Các Khoản 1, 2 và 3 chỉ được đánh giá "đạt" khi tất cả nội dung chi tiết được đánh giá là "đạt".

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	**Kinh nghiệm**	
	1.1.Kinh nghiệm chung về thi công xây dựng: *Số năm hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng* [3]	*Tối thiểu 03 năm*
	1.2. Kinh nghiệm thực hiện gói thầu thi công xây dựng tương tự: *Số lượng các hợp đồng tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tại Việt Nam và nước ngoài trong thời gian 03 năm gần đây.*	*Tối thiểu 02 hợp đồng*

2	**Năng lực kỹ thuật**	
	2.1. Năng lực hành nghề thi công xây dựng.	*Tối thiểu 03 năm*
	2.2. Nhân sự chủ chốt.	*Tối thiểu có 04 cán bộ tham gia thực hiện gói thầu trong đó có: 01 chỉ huy trưởng, 01 kỹ sư phụ trách thi công (tốt nghiệp ĐH chuyên nghành xây dựng công trình giao thông, đường thủy hoặc công trình thủy), 01 cán bộ quản lý chất lượng, thí nghiệm, 01 cán bộ phụ trách ATLĐ, PCCC, VSMT.*
	2.3 Năng lực về thiết bị: *- Máy cắt bê tông 1,5Kw: Có ít nhất 02 chiếc.* *- Máy cắt uốn cốt thép 5,0Kw: Có ít nhất 01 chiếc.* *- Máy hàn 23Kw: Có ít nhất 01 chiếc.* *- Máy trộn BT: Có ít nhất 01 chiếc.* *- Máy nén khí: Có ít nhất 01 chiếc.* *- Máy phun bê tông: Có ít nhất 01 chiếc.* *- Máy khoan bê tông: Có ít nhất 02 chiếc.* *- Phương tiện nổi: Có ít nhất nhất 01 chiếc.* *Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải có cam kết (hoặc chứng minh) khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu.*	
3	**Năng lực tài chính**	
	3.1. Doanh thu *Doanh thu hoạt động thi công xây dựng trung bình hàng năm trong 3 năm gần đây.*	*1,0 tỷ đồng/năm*
	3.2. Tình hình tài chính lành mạnh *Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh (Phải có báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong các năm hoặc báo cáo tài chính gửi cơ quan thuế trong các năm).*	
	(a) số năm nhà thầu hoạt động không bị lỗ trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 3.1 Mục	*từ 3 năm trở lên*

	này	
	(b) hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	*> 1*
	(c) giá trị tài sản ròng	*> 0*

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong hồ sơ yêu cầu chào giá cạnh tranh rút gọn. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí "đạt", "không đạt". Hồ sơ chào giá vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là "đạt".

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.	Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng		
	Vật tư sử dụng chủ yếu cho công trình phải được nêu rõ Nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu có cam kết về việc cung cấp các chứng từ để chứng minh tính hợp lệ, đáp ứng của vật tư.	Cung cấp vật tư với quy cách kỹ thuật, chất lượng theo đúng hoặc tốt hơn yêu cầu. Vật tư sử dụng chủ yếu cho công trình có nêu rõ Nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu có cam kết về việc cung cấp các chứng từ để chứng minh tính hợp lệ, đáp ứng của vật tư.	Đạt
		Vật tư cung cấp không đáp ứng được yêu cầu đề ra hoặc nhà thầu không nêu rõ Nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ của vật tư sử dụng chủ yếu cho công trình, hoặc không cam kết về việc cung cấp các chứng từ để chứng minh tính hợp lệ, đáp ứng của vật tư.	Không đạt
2.	Cam kết chịu toàn bộ chi phí để thí nghiệm vật liệu vữa phun và đi nén để kiểm tra cường độ của vữa	Có cam kết	Đạt
		Không có cam kết	Không đạt
3.	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
	a) Giải pháp thi công phá dỡ bê tông, tẩy rỉ cốt thép và làm sạch cốt thép, bê tông bản mặt cầu	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	b) Giải pháp thi công quét phụ gia chống ăn mòn cốt thép, quét chất kết dính lên bê tông cũ, phun vữa,	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	mài phẳng bề mặt bê tông, sơn chống xâm thực.		
	c) Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người.	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường	Đạt
		Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt	Không đạt
4.	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động		
	a) Giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu, chống ồn.	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	b) An toàn lao động	Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng	Không đạt
	c) Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề	Có biện pháp bảo đảm an toàn rõ ràng	Đạt
		Không có biện pháp bảo đảm an toàn rõ ràng	Không đạt
	d) Giải pháp phòng cháy nổ, chữa cháy	Có giải pháp khả thi	Đạt
		Không có giải pháp khả thi	Không đạt
	e) Giải pháp thi công sửa chữa trong điều kiện cập tàu để làm hàng	Có giải pháp thi công khả thi	Đạt
		Không có giải pháp thi công khả thi	Không đạt
	f) Có báo cáo, đánh giá rủi ro và đưa ra các biện pháp kiểm soát đảm bảo an toàn, môi trường trong quá trình thi công	Có báo cáo, đánh giá rủi ro và đưa ra các biện pháp kiểm soát đảm bảo an toàn, môi trường trong quá trình thi công	Đạt
		Không có báo cáo, đánh giá rủi ro và không đưa ra các biện pháp kiểm soát đảm bảo an toàn, môi trường trong quá trình thi công	Không đạt
5.	**Tiến độ thi công**		
	Không quá 60 ngày (cố mặt bằng thi công và thủy triều phù hợp) kể		Đạt

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
	từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công, có bảng tiến độ thi công chi tiết	
	Lớn hơn 60 ngày (có mặt bằng thi công và thủy triều phù hợp) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công hoặc không có bảng tiến độ thi công chi tiết	Không đạt
6.	**Bảo hành**	
	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Không bảo hành hoặc có thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
Kết luận	**Tất cả các tiêu chuẩn được xác định là đạt**	**Đạt**
	Một trong các tiêu chuẩn nêu trên không đạt	**Không đạt**

Mục 4. Đánh giá về giá

Cách xác định giá dự thầu thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào giá, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2: Xác định ưu đãi (nếu có);

Bước 3: Xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.